

臺北市新住民語文補充教材 越南語第一輯(第二冊)

臺北市

新住民語文教育補充教材

臺北市政府教育局主辦

臺北市內湖區潭美國民小學承辦

臺北市新住民語文教育輔導團協辦

出版機關：臺北市政府教育局

發行人：曾燦金

指導委員：陳素慧、鄧進權、譚亦聰、鍾德馨、張爰珏
陳妍妤

諮詢單位/委員：國立臺北教育大學東協人力教育中心
王大修

編審委員：吳勝學、羅永治、王培玲、李依娟、徐春星
黃培培、黃忠信、廖燕燕、蔡朝現

編輯單位：臺北市內湖區潭美國民小學

總編輯：林碧雲

編輯行政：吳秉儒、龍玉珊、陳威宇、李璿瑞

編輯小組：(越南語) 麥美雲、阮氏蘭英

(印尼語) 馮燕妮、勞貴琳

(泰語) 沈曉靜、匡春芝、夏茂蓮

(馬來語) 吳振南、嚴永真、沈詩意

(菲律賓語) 陳慈治

(緬甸語) 葉影擬、黃志容

(柬埔寨語) 潘喜玲

插圖/封面設計：翁其璋

美術/文字編輯：吳昱瑩

本書/檔案登載於臺北市新住民子女教育資訊網之教材專區

出版年月：111年10月

越南

菲律賓



臺北市政府教育局

DEPARTMENT OF EDUCATION
TAIPEI CITY GOVERNMENT



Bài 4 Hôm nay ăn gì?

第^ハ四^シ課^カ 今^{イマ}天^{テン}吃^ク什^{ニシ}麼^ニ

設^{セツ}計^{ケイ}者^{シャ}：阮^{グエン}氏^シ蘭^{ラン}英^{イン}、麥^{マク}美^{メイ}雲^{ウン}



Bài 4 Hôm nay ăn gì?

第四課 今天吃什麼?

Bài bốn Hôm nay ăn gì?

第四課 今天吃什麼?

② Bữa sáng ăn phở.
早餐吃河粉。

① Mẹ ơi, hôm nay ăn gì?
媽媽，今天吃什麼?

③ Bữa trưa có cơm, gỏi cuốn và rau.
午餐有飯、春捲和蔬菜。



補充教材 目次

1 越南飲食介紹

2 詞彙：配對遊戲

3 越南飲食特色

4 聽一聽

5 加一加

6 寫一寫

7 遊戲

8 我會唱歌

越南飲食介紹

小朋友今天早上吃什麼？

你們猜猜看，今天早上老師吃什麼？



phở



gỏi cuốn



cơm

全班聽
然後大
聲跟著
老師唸

Mẹ ơi, hôm nay ăn gì?

Bữa sáng ăn **phở**.

Bữa trưa có **cơm**, **gỏi cuốn** và rau.



越南飲食介紹

同學猜一猜，哪一道越南料理最被國際友人喜愛，請舉手。

是不是河粉和春捲呢？

知識庫

1. 「phở」是河粉。

在越南到處都可

吃得到，但

最有名的是河

內河粉。

2. 「gỏi cuốn」也

可叫「nem cuốn」。



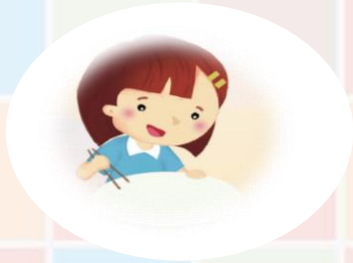
gỏi cuốn



phở



配對遊戲



cơm

phở

ăn

rau

gỏi cuốn

越南飲食特色

同學猜一猜，有名越南料理，像河粉、米線等是用米做的，還是麵粉做的呢？

你猜對了嗎？
都用米做的



bánh phở



bún



bánh cuốn

1. 越南家庭的日子，常飲食幾乎餐餐都有吃白飯（大米為主食）。
2. 越南菜都是用魚露和新鮮的香菜來調味。



聽 一 聽

小朋友聽到正確的句子請打勾



2. Bà ngoại ăn trưa.



1. Ông ngoại ăn sáng.



3. Ba ăn phở.



4. Mẹ ăn rau.

加^{ㄐㄧㄚˊ}一^ㄟ加^{ㄐㄧㄚˊ}

大^{ㄉㄚˋ}家^{ㄐㄧㄚˊ}來^{ㄌㄞˊ}比^{ㄅㄧˋ}較^{ㄐㄧㄠˋ}看^{ㄔㄢˊ}看^{ㄔㄢˊ}，這^{ㄓㄜˋ}三^{ㄙㄢ}句^{ㄅㄩˋ}話^{ㄏㄜˋ}有^{ㄩˋ}什^ㄕ麼^{ㄇㄛˊ}
不^{ㄅㄨˋ}一^ㄟ樣^{ㄧㄤˋ}呢^{ㄋㄟ}？

bữa sáng

早^{ㄗㄞˊ}餐^{ㄘㄢ}

Bữa sáng ăn phở.

早^{ㄗㄞˊ}餐^{ㄘㄢ}吃^ㄔ河^{ㄏㄜˊ}粉^{ㄈㄣˊ}

Bữa sáng em ăn phở

我^{ㄉㄨˋ}早^{ㄗㄞˊ}餐^{ㄘㄢ}吃^ㄔ河^{ㄏㄜˊ}粉^{ㄈㄣˊ}

排^{ㄆㄞˊ} 一^ㄟ 排^{ㄆㄞˊ}

排^{ㄆㄞˊ} 好^{ㄏㄠˇ} 後^{ㄏㄠˋ} 大^{ㄉㄚˋ} 聲^{ㄕㄨㄥ} 念^{ㄋㄧㄢˋ} 一^ㄟ 念^{ㄋㄧㄢˋ}

em

phở

ăn

bữa
sáng



寫一寫

大家來學寫一寫

注意看嘴型，舌頭位置及發音的部位

跟著老師用手書空

Ă

Chữ hoa
大寫

Chữ thường
小寫

Ă

Ă

Ă

ă

ă

ă

M

M

M

m

m

m

N

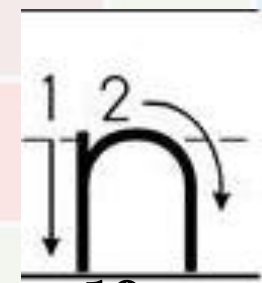
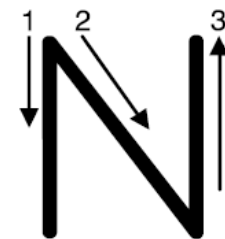
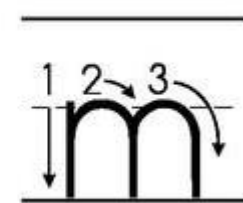
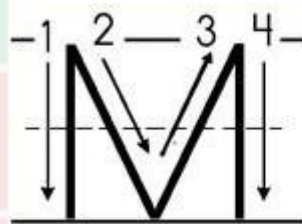
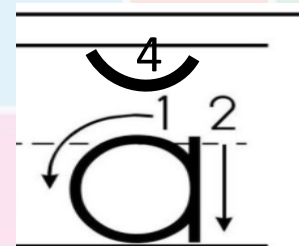
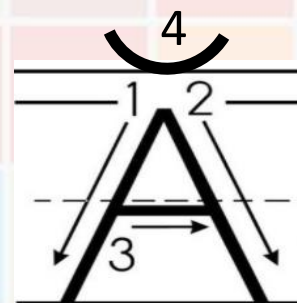
N

N

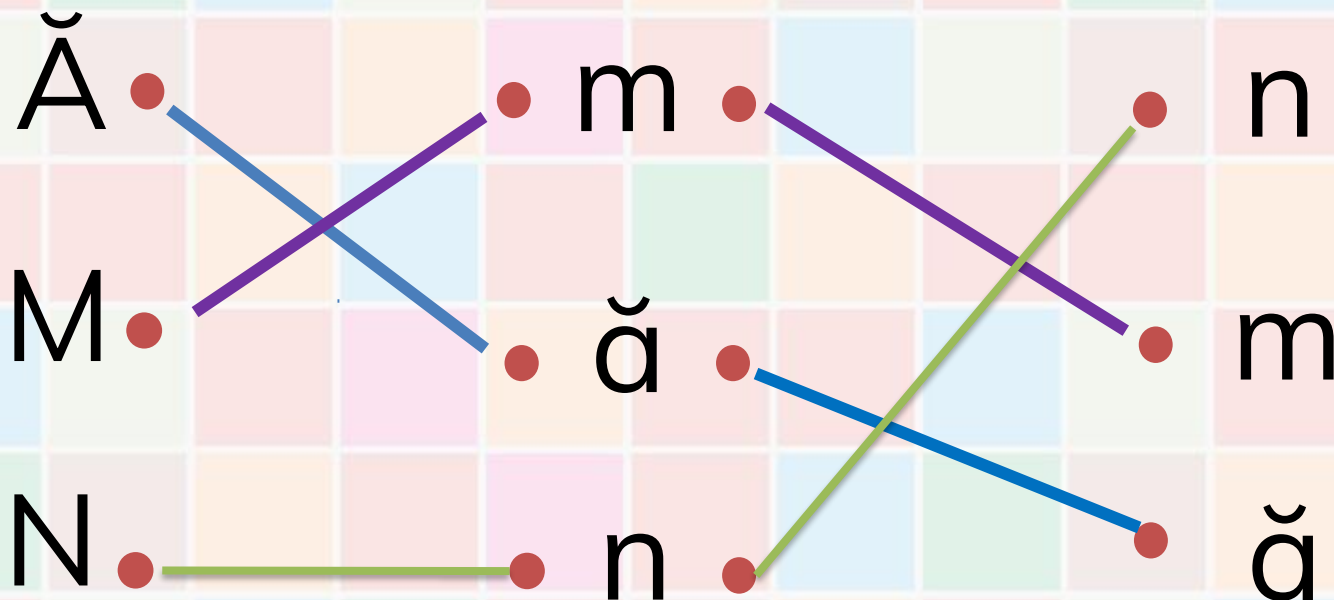
n

n

n



連^{ㄌㄢˊ}一^ㄟ連^{ㄌㄢˊ}找^{ㄓㄠˊ}一^ㄟ找^{ㄓㄠˊ}



A	Ă	Â	B	C	D	Đ	E	Ê	G
H	I	K	L	M	N	O	Ô	Ơ	P
Q	R	S	T	U	Ư	V	S	Y	

端菜遊戲

說一說，今天你吃什麼？請跟媽媽一起端菜喔。菜端好請用越南語大聲說出來。

cơm

rau

phở

gỏi cuốn

Bữa sáng ăn

Bữa trưa có và



猜一猜

小朋友猜一猜，號碼裡面是哪一道菜？請用越南語大聲說一說

Bữa sáng ăn
Bữa trưa có



1

2

3

4

5

6

7

8

我會唱



Em biết hát

我會唱

Cháu yêu bà
我愛奶奶



作詞與作曲：Xuân Giao

Bà ơi bà, cháu yêu bà lắm
奶奶呀，我很愛您

Tóc bà trắng, màu trắng như mây
您的頭髮像白白的雲

Cháu yêu bà, cháu nắm bàn tay
我愛您，牽起您的雙手

Khi cháu vâng lời, cháu biết bà vui
當我聽話時，我知道您會很開心



連結:

<https://dlms.iiedu.org.tw/newres/Vietnam/Vietnam02/>

臺北市新住民語文補充教材
越南語第一輯(第二冊)



Xin cảm ơn!

THANK YOU